



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHIẾU KHẢO SÁT GIẢNG VIÊN
VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ CHỨC NĂNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tại trường Đại học Mỏ-Địa chất, Nhà trường kính đề nghị Quý thầy/cô đóng góp ý kiến bằng cách trả lời đầy đủ các nội dung dưới đây.

Trân trọng cảm ơn!

Phần 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Khoa/Viện/Trung tâm: _____
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Thâm niên công tác: Dưới 5 năm ☐ Từ 5 năm đến dưới 10 năm ☐ Trên 10 năm ☐
4. Tuổi: Dưới 35 ☐ Từ 35 đến 45 ☐ Trên 45 ☐

Phần 2: Ý KIẾN CỦA GIẢNG VIÊN

Quý Thầy/Cô vui lòng khoanh tròn vào ô trả lời với sự lựa chọn thích hợp, tương ứng với từng mức độ đánh giá.

1. Hoàn toàn không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Phân vân 4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý

STT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Không ý kiến
		Hoàn toàn không đồng ý				Hoàn toàn đồng ý	
I. Chiến lược phát triển của Nhà trường							
1	Thầy/Cô có tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường	①	②	③	④	⑤	
2	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường có đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Thầy/Cô	①	②	③	④	⑤	
3	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi được cải tiến có phù hợp trong quá trình phát triển của Nhà trường	①	②	③	④	⑤	
II. Chức năng đào tạo							
A. Thiết kế và rà soát chương trình đào tạo (CTĐT)							
4	CTĐT cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	①	②	③	④	⑤	
5	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	①	②	③	④	⑤	
6	Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	①	②	③	④	⑤	
7	Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng được tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục của Khoa và Nhà trường	①	②	③	④	⑤	
8	Thầy/Cô được tham gia xây dựng, điều chỉnh CTĐT của đơn vị	①	②	③	④	⑤	
B. Thực hiện chương trình đào tạo:							
	Trong quá trình thực hiện CTĐT, Thầy/Cô:						

9	Được phổ biến đầy đủ quy chế đào tạo và các văn bản hướng dẫn	①	②	③	④	⑤	
10	Chủ động lựa chọn và áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với chuẩn đầu ra môn học	①	②	③	④	⑤	
11	Có sự thống nhất về nội dung, phương pháp giảng dạy và hoạt động đánh giá sinh viên	①	②	③	④	⑤	
12	Được sự hỗ trợ về chuyên môn từ Trường, Khoa, Tổ bộ môn	①	②	③	④	⑤	
13	Hài lòng với việc phân công về chuyên môn (số tiết, lớp học phần) của đơn vị	①	②	③	④	⑤	
III. Chức năng Nghiên cứu khoa học (NCKH)		  					
14	Thầy/Cô có hài lòng khi tham gia hoạt động NCKH với những chính sách, hỗ trợ từ phía Nhà trường	①	②	③	④	⑤	
15	Thầy/Cô được tự do lựa chọn và đề xuất đề tài NCKH	①	②	③	④	⑤	
16	Quy định, hướng dẫn xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH được công bố công khai	①	②	③	④	⑤	
17	Việc xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH được thực hiện đúng quy trình	①	②	③	④	⑤	
IV. Chức năng dịch vụ		  					
	Trong quá trình giảng dạy, Thầy/Cô có:						
18	Sản phẩm/Sáng kiến/Đề tài NCKH được chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng	①	②	③	④	⑤	
19	Tham gia các hoạt động kết nối doanh nghiệp phục vụ cộng đồng	①	②	③	④	⑤	
20	Tham gia các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng	①	②	③	④	⑤	
21	Hài lòng với các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường	①	②	③	④	⑤	

V. Ý kiến khác

.....

.....

.....

Hà Nội, tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT CỤU SINH VIÊN VỀ
CHẤT LƯỢNG CỦA CHUYÊN NGÀNH/NGÀNH ĐÀO TẠO
Ngành Kỹ thuật Trắc địa bản đồ**

- 1. Mục đích khảo sát:** Nhằm điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo ngành cho phù hợp với yêu cầu làm việc thực tế khi đi làm của các kỹ sư ngành kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ
- 2. Đối tượng khảo sát:** Các cựu sinh viên đã tốt nghiệp ngành kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ
- 3. Thời gian khảo sát:** Tháng 12/2017
- 4. Phương pháp khảo sát:** Khảo sát online
- 5. Tổng số phiếu khảo sát thu về:** 362 phiếu
- 6. Thống kê kết quả:**

6.1. Nội dung phiếu khảo sát đánh giá gồm:

6.1.1. Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo

1. Ngành đào tạo có mục tiêu nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu xã hội
2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được
3. Các môn học tích hợp được kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo
4. Trình tự các môn học của ngành đào tạo được thiết lập logic
5. Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý
6. Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu người học
7. Chương trình có các khoá phát triển kỹ năng mềm cho người học
8. Chương trình tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học

6.1.2. Quá trình giảng dạy – học tập – nghiên cứu khoa học

1. Người học có cơ hội chủ động tham gia vào quá trình học tập
2. Người học được cập nhật các kiến thức chuyên ngành kịp thời
3. Hoạt động giảng dạy của ngành đào tạo gắn với định hướng nghề nghiệp
4. Người học được rèn luyện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề
5. Người học được rèn luyện phát triển tư duy phê phán
6. Người học được tạo điều kiện để phát triển kỹ năng làm việc độc lập
7. Người học được đào tạo các phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn
8. Các đợt thực tập “trang bị” thiết thực kinh nghiệm nghề nghiệp cho người học
9. Các trang thiết bị giảng dạy phù hợp, được sử dụng hiệu quả
10. Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học
11. Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học
12. Kết quả học tập được thông báo kịp thời
13. Đại đa số giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp
14. Đại đa số giảng viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu đào tạo
15. Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Hiệu trưởng/Chủ nhiệm khoa để phản hồi các hoạt động của Trường

6.1.3. Các hoạt động hỗ trợ cơ sở vật chất

1. Trường có các khoá nâng cao năng lực ngoại ngữ ngoài chương trình
2. Trường có các khoá nâng cao trình độ công nghệ thông tin ngoài chương trình
3. Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời
4. Đại đa số cán bộ nhân viên hỗ trợ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu
5. Thư viện cung cấp đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo
6. Thư viện có đủ chỗ cho sinh viên học tập và nghiên cứu
7. Các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ kiến thức cho học tập và nghiên cứu
8. Các hoạt động văn thể mỹ đáp ứng yêu cầu giải trí lành mạnh
9. Hoạt động của Đoàn TNCS HCM và Hội sinh viên thiết thực đối với người học
10. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời
11. Cơ sở vật chất cho nghiên cứu – học tập đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo
12. Phòng thí nghiệm/thực hành đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo

6.1.4. Đánh giá chung

1. Người học được trang bị kiến thức và kỹ năng hữu ích cho nghề nghiệp
2. Người học được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp
3. Môi trường học tập đáp ứng chuẩn mực học thuật
4. Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín đào tạo
5. Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín nghiên cứu khoa học
6. Sinh viên tốt nghiệp tự tin về “hành trang nghề nghiệp” được trang bị
7. Anh/Chị hài lòng với ngành đào tạo của Trường

Các câu hỏi/nội dung trên được lấy ý kiến đánh giá theo 5 mức độ từ 1 đến 5:

1. Hoàn toàn đồng ý 2. Không đồng ý 3. Phân vân 4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý

6.1.5. Ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

6.1.6. Các ý kiến của Anh/Chị

6.2. Tổng hợp kết quả khảo sát:

6.2.1. Kết quả khảo sát mục 6.1.1 đến 6.1.4 được thống kê và thể hiện ở bảng 6.1 và hình 6.1 dưới đây:

**Bảng 6.1. Tổng hợp kết quả khảo sát cựu sinh viên
về chất lượng đào tạo của ngành Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ**

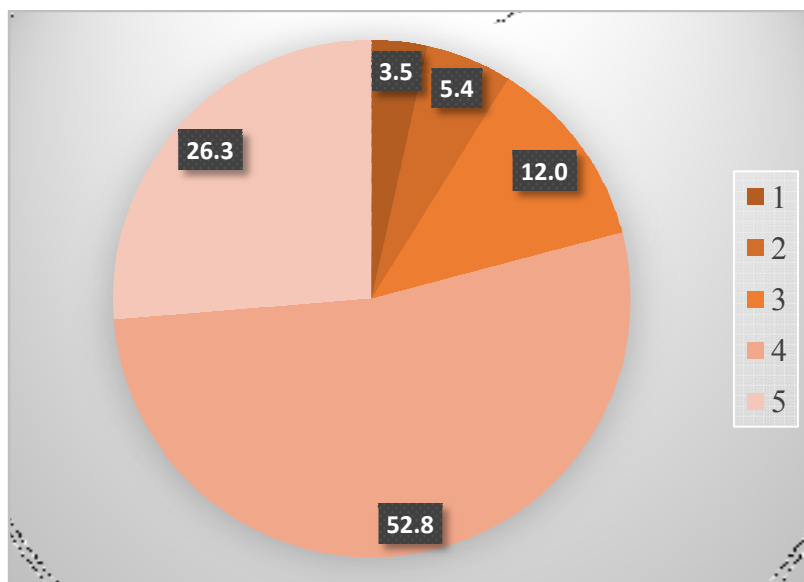
T T	Nội dung đánh giá	Đơn vị	Mức độ đánh giá					Tổng
			①	②	③	④	⑤	
1	Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo	Phiếu	16	10	23	202	111	362
		%	4,4	2,8	6,4	55,8	30,7	100
2	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được	Phiếu	17	14	38	192	101	362
		%	4,7	3,9	10,5	53,0	27,9	100
3	Các môn học tích hợp được kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo	Phiếu	13	12	46	181	110	362
		%	3,6	3,3	12,7	50,0	30,4	100
4	Trình tự các môn học của	Phiếu	12	14	52	171	113	362

	ngành đào tạo được thiết lập logic	%	3,3	3,9	14,4	47,2	31,2	100
5	Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	Phiếu	16	44	68	156	78	362
		%	4,4	12,2	18,8	43,1	21,5	100
6	Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu người học	Phiếu	14	29	42	181	96	362
		%	3,9	8,0	11,6	50,0	26,5	100
7	Chương trình có các khoá phát triển kỹ năng mềm cho người học	Phiếu	19	49	56	154	84	362
		%	5,2	13,5	15,5	42,5	23,2	100
8	Chương trình tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học	Phiếu	15	15	31	194	107	362
		%	4,1	4,1	8,6	53,6	29,6	100
Quá trình giảng dạy – học tập – nghiên cứu khoa học		Đơn vị	①	②	③	④	⑤	Tổng
1	Người học có cơ hội chủ động tham gia vào quá trình học tập	Phiếu	13	4	28	208	109	362
		%	3,6	1,1	7,7	57,5	30,1	100
2	Người học được cập nhật các kiến thức chuyên ngành kịp thời	Phiếu	11	19	42	175	115	362
		%	3,0	5,2	11,6	48,3	31,8	100
3	Hoạt động giảng dạy của ngành đào tạo gắn với định hướng nghề nghiệp	Phiếu	11	13	31	197	110	362
		%	3,0	3,6	8,6	54,4	30,4	100
4	Người học được rèn luyện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề	Phiếu	11	28	44	175	104	362
		%	3,0	7,7	12,2	48,3	28,7	100
5	Người học được rèn luyện phát triển tư duy phê phán	Phiếu	11	43	63	163	82	362
		%	3,0	11,9	17,4	45,0	22,7	100
6	Người học được tạo điều kiện để phát triển kỹ năng làm việc độc lập	Phiếu	11	14	48	191	98	362
		%	3,0	3,9	13,3	52,8	27,1	100
7	Người học được đào tạo các phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn	Phiếu	13	15	54	185	95	362
		%	3,6	4,1	14,9	51,1	26,2	100

8	Các đợt thực tập “trang bị” thiết thực kinh nghiệm nghề nghiệp cho người học	Phiếu	15	18	39	184	106	362
		%	4,1	5,0	10,8	50,8	29,3	100
9	Các trang thiết bị giảng dạy phù hợp, được sử dụng hiệu quả	Phiếu	17	22	55	181	87	362
		%	4,7	6,1	15,2	50,0	24,0	100
10	Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học	Phiếu	12	16	40	198	96	362
		%	3,3	4,4	11,0	54,7	26,5	100
11	Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học	Phiếu	13	24	48	187	90	362
		%	3,6	6,6	13,3	51,7	24,9	100
12	Kết quả học tập được thông báo kịp thời	Phiếu	12	13	32	204	101	362
		%	3,3	3,6	8,8	56,4	27,9	100
13	Đại đa số giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp	Phiếu	13	11	35	198	105	362
		%	3,6	3,0	9,7	54,7	29,0	100
14	Đại đa số giảng viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu đào tạo	Phiếu	13	4	22	202	121	362
		%	3,6	1,1	6,1	55,8	33,4	100
15	Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Hiệu trưởng/Chủ nhiệm khoa để phản hồi các hoạt động của Trường	Phiếu	20	25	60	162	95	362
		%	5,5	6,9	16,6	44,8	26,2	100
Các hoạt động hỗ trợ cơ sở vật chất		Đơn vị	①	②	③	④	⑤	Tổng
1	Trường có các khoá nâng cao năng lực ngoại ngữ ngoài chương trình	Phiếu	11	41	68	173	69	362
		%	3,0	11,3	18,8	47,8	19,1	100
2	Trường có các khoá nâng cao trình độ công nghệ thông tin ngoài chương trình	Phiếu	10	41	68	171	72	362
		%	2,8	11,3	18,8	47,2	19,9	100
3	Các yêu cầu hợp lý của	Phiếu	14	36	70	163	79	362

	người học được giải quyết kịp thời	%	3,9	9,9	19,3	45,0	21,8	100
4	Đại đa số cán bộ nhân viên hỗ trợ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu	Phiếu	12	14	43	197	96	362
		%	3,3	3,9	11,9	54,4	26,5	100
5	Thư viện cung cấp đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo	Phiếu	12	19	46	206	79	362
		%	3,3	5,2	12,7	56,9	21,8	100
6	Thư viện có đủ chỗ cho sinh viên học tập và nghiên cứu	Phiếu	12	18	39	203	90	362
		%	3,3	5,0	10,8	56,1	24,9	100
7	Các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ kiến thức cho học tập và nghiên cứu	Phiếu	12	34	51	185	80	362
		%	3,3	9,4	14,1	51,1	22,1	100
8	Các hoạt động văn thể mỹ đáp ứng yêu cầu giải trí lành mạnh	Phiếu	11	7	33	215	96	362
		%	3,0	1,9	9,1	59,4	26,5	100
9	Hoạt động của Đoàn TNCS HCM và Hội sinh viên thiết thực đối với người học	Phiếu %	14	16	52	188	92	362
			3,9	4,4	14,4	51,9	25,4	100
10	Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời	Phiếu	10	15	33	200	104	362
		%	2,8	4,1	9,1	55,2	28,7	100
11	Cơ sở vật chất cho nghiên cứu – học tập đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo	Phiếu	12	24	50	202	74	362
		%	3,3	6,6	13,8	55,8	20,4	100
12	Phòng thí nghiệm/thực hành đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo	Phiếu	11	26	40	211	74	362
		%	3,0	7,2	11,0	58,3	20,4	100
Đánh giá chung		Đơn vị	①	②	③	④	⑤	Tổng
1	Người học được trang bị kiến thức và kỹ năng hữu ích cho nghề nghiệp	Phiếu	9	11	31	231	80	362
		%	2,5	3,0	8,6	63,8	22,1	100

2	Người học được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	Phiếu	8	12	25	229	88	362
		%	2,2	3,3	6,9	63,3	24,3	100
3	Môi trường học tập đáp ứng chuẩn mực học thuật	Phiếu	8	12	35	219	88	362
		%	2,2	3,3	9,7	60,5	24,3	100
4	Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín đào tạo	Phiếu	10	3	25	206	118	362
		%	2,8	0,8	6,9	56,9	32,6	100
5	Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín nghiên cứu khoa học	Phiếu	10	4	26	208	114	362
		%	2,8	1,1	7,2	57,5	31,5	100
6	Sinh viên tốt nghiệp tự tin về “hành trang nghề nghiệp” được trang bị	Phiếu	13	18	61	187	83	362
		%	3,6	5,0	16,9	51,7	22,9	100
7	Anh/Chị hài lòng với ngành đào tạo của Trường	Phiếu	9	9	39	198	107	362
		%	2,5	2,5	10,8	54,7	29,6	100
	Trung bình	%	3,5	5,4	12,0	52,8	26,3	



Hình 6.1. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát cựu sinh viên về chất lượng đào tạo của ngành Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ

6.2.2. Kết quả góp ý mục 6.1.5 về chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động

TT	Nội dung hỏi ý kiến	Số ý kiến tán đồng
1	Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động	131
2	Các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo	82
3	Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm	103
4	Thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành được tăng thêm	118
5	Thời lượng lý thuyết giảm đi	86
6	Sinh viên được học khoá bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xã hội	113
7	Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	91
8	Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động	97
9	Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên	85
10	Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường	84

6.2.3. Tổng hợp ý kiến riêng của cựu sinh viên của mục 6.1.6:

- Sinh viên thiếu kỹ năng mềm và kỹ năng làm việc theo nhóm. Môn tự chọn như kỹ năng tư duy và phê phán, đây là một môn học khá hay và ra trường có thể áp dụng nhiều nhưng giáo trình và cách giảng dạy có vẻ thực sự không hề hiệu quả.
- Cần có thêm những buổi giao lưu với công ty ngoài.
- Tham gia thực tập ở nhiều cơ quan trước đi khi ra trường, tránh bỡ ngỡ, tạo cơ hội việc làm.- - Đưa sinh viên tham gia vào các môi trường làm việc thực tiễn.
- Tăng khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học thay vì các môn lý thuyết ở phạm trù hàn lâm siêu cao, mông lung, không thực tế
- Nhà trường nên đào tạo sát hơn nữa với nhu cầu nhân sự bên ngoài. Kỹ năng nghề nghiệp thực hành. Liên kết nhiều hơn với các công ty xí nghiệp.
- Nên có nhiều chương trình đối thoại cho sinh viên, hoặc chuyển đổi hình thức thi sang kiểu vấn đáp 1 đối 1 với các môn chuyên ngành, nhằm tự tạo kỹ năng ứng xử, kỹ năng ứng biến tình huống và trả lời phỏng vấn điều này vừa giúp giáo viên có thể đánh giá được đúng năng lực sinh viên và cũng dần giúp sinh viên sau khi ra trường không bị bỡ ngỡ khi đi phỏng vấn xin việc.
- Đào tạo kết hợp làm việc thực tế sau khi tốt nghiệp.
- Công tác đào tạo của trường đều tốt.
- Sinh viên cần chủ động, là trung tâm đào tạo.
- Nhà trường nên cho sinh viên được thực hành tiếp xúc nhiều hơn với những thiết bị hiện đại tiên tiến mà trường đã trang bị. Tăng thời gian thực tập để tất cả các học viên có điều kiện tốt nhất để rèn luyện.
- Nên cho các sinh viên thực nghiệm hiện trường nhiều hơn.
- Kiểm tra sát hạch nghiêm túc kỹ lưỡng hơn trong cả lý thuyết lẫn thực hành.

- Cần có những phương hướng giảng dạy bám sát với thực tế.
- Nhà trường đầu tư thêm công nghệ, máy móc, phần mềm đưa vào trong trương trình giảng dạy, thực hành đáp ứng nhu cầu việc làm hiện tại
- Năm chắc kiến thức thầy cô cung cấp trên ghế nhà trường là nền tảng phát triển ngành nghề!

7. Kết luận

Kết quả khảo sát đánh giá về việc tổ chức thực hiện và nội dung môn học cho thấy có 79% cựu sinh viên cho rằng phù hợp; còn lại 12% cựu sinh viên còn đang phân vân và dưới 10% cho rằng không phù hợp.

Các ý kiến không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý với các nội dung khảo sát chiếm tỷ lệ nhỏ trên tổng số ý kiến phản hồi. Nhà trường và Ban chủ nhiệm Khoa cần lưu ý, làm rõ nguyên nhân và nắm rõ các góp ý của cựu sinh viên và tìm hướng khắc phục.

Trưởng Khoa



Trần Thùy Dương

Người viết báo cáo



Tạ Thị Thu Hường



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

PHIẾU KHẢO SÁT CỰU SINH VIÊN
VỀ CHẤT LƯỢNG CỦA CHUYÊN NGÀNH/NGÀNH ĐÀO TẠO

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tại trường Đại học Mỏ-Địa chất, Nhà trường đề nghị Anh/Chị đóng góp ý kiến bằng cách trả lời đầy đủ các nội dung dưới đây.

Trân trọng cảm ơn!

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

1. Khóa học:; Lớp học:
2. Khoa:; Chuyên ngành:

Phần II. Ý KIẾN CỦA CỰU SINH VIÊN

Vui lòng đánh dấu vào ô trả lời với sự lựa chọn thích hợp mà Anh/Chị cho là đúng nhất của từng mục theo thang điểm từ 1 đến 5 như sau:

1. Hoàn toàn không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Phân vân 4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý

	Nội dung đánh giá	Các mức độ				
	Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo	①	②	③	④	⑤
1	Ngành đào tạo có mục tiêu nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu xã hội					
2	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được					
3	Các môn học tích hợp được kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo					
4	Trình tự các môn học của ngành đào tạo được thiết lập logic					
5	Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý					
6	Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu người học					
7	Chương trình có các khoá phát triển kỹ năng mềm cho người học					
8	Chương trình tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học					
	Quá trình giảng dạy – học tập – nghiên cứu khoa học	①	②	③	④	⑤

9	Người học có cơ hội chủ động tham gia vào quá trình học tập					
10	Người học được cập nhật các kiến thức chuyên ngành kịp thời					
11	Hoạt động giảng dạy của ngành đào tạo gắn với định hướng nghề nghiệp					
12	Người học được rèn luyện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề					
13	Người học được rèn luyện phát triển tư duy phê phán					
14	Người học được tạo điều kiện để phát triển kỹ năng làm việc độc lập					
15	Người học được đào tạo các phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn					
16	Các đợt thực tập “trang bị” thiết thực kinh nghiệm nghề nghiệp cho người học					
17	Các trang thiết bị giảng dạy phù hợp, được sử dụng hiệu quả					
18	Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học					
19	Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học					
20	Kết quả học tập được thông báo kịp thời					
21	Đại đa số giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp					
22	Đại đa số giảng viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu đào tạo					
23	Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Hiệu trưởng/Chủ nhiệm khoa để phản hồi các hoạt động của Trường					
Các hoạt động hỗ trợ cơ sở vật chất		①	②	③	④	⑤
24	Trường có các khoá nâng cao năng lực ngoại ngữ ngoài chương trình					
25	Trường có các khoá nâng cao trình độ công nghệ thông tin ngoài chương trình					
26	Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời					
27	Đại đa số cán bộ nhân viên hỗ trợ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu					
28	Thư viện cung cấp đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo					
29	Thư viện có đủ chỗ cho sinh viên học tập và nghiên cứu					
30	Các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ kiến thức cho học tập và nghiên cứu					

31	Các hoạt động văn thể mỹ đáp ứng yêu cầu giải trí lành mạnh					
32	Hoạt động của Đoàn TNCS HCM và Hội sinh viên thiết thực đối với người học					
33	Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời					
34	Cơ sở vật chất cho nghiên cứu – học tập đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo					
35	Phòng thí nghiệm/thực hành đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo					
Đánh giá chung		①	②	③	④	⑤
36	Người học được trang bị kiến thức và kỹ năng hữu ích cho nghề nghiệp					
37	Người học được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp					
38	Môi trường học tập đáp ứng chuẩn mực học thuật					
39	Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín đào tạo					
40	Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín nghiên cứu khoa học					
41	Sinh viên tốt nghiệp tự tin về “hành trang nghề nghiệp” được trang bị					
42	Anh/Chị hài lòng với ngành đào tạo của Trường					

Ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Theo Anh/Chị những giải pháp nào sau đây đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp

- ☐ Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động
- ☐ Các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo
- ☐ Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm
- ☐ Thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành được tăng thêm
- ☐ Thời lượng lý thuyết giảm đi
- ☐ Sinh viên được học khoá bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xã hội
- ☐ Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
- ☐ Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động
- ☐ Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên
- ☐ Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường
- ☐ Các giải pháp khác (ghi rõ):.....

C. Các ý kiến của Anh/ Chị

Để đáp ứng nhu cầu hành nghề của sinh viên tốt nghiệp ra trường:

.....

.....

Để giúp Nhà trường đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xã hội

.....

.....

Hà Nội, tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIẢNG VIÊN VỀ
CHIẾN LƯỢC VÀ CHỨC NĂNG CỦA NHÀ TRƯỜNG**
Ngành Kỹ thuật Trắc địa bản đồ

- 1. Mục đích khảo sát:** Nhằm cụ thể hóa chiến lược và chức năng của nhà trường cho phù hợp với yêu cầu thực tại.
- 2. Đối tượng khảo sát:** Các giảng viên đang công tác tại khoa Trắc địa- Bản đồ và Quản lý đất đai
- 3. Thời gian khảo sát:** Tháng 12/2017
- 4. Phương pháp khảo sát:** Khảo sát online
- 5. Tổng số phiếu khảo sát thu về:** 146 phiếu
- 6. Thống kê kết quả:**

6.1. Nội dung phiếu khảo sát đánh giá gồm:

6.1.1. Giới tính của giảng viên
6.1.2. Độ tuổi của giảng viên
6.1.3. Thâm niên công tác của giảng viên
6.1.4. Chiến lược phát triển của Nhà trường
1. Thầy/Cô có tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường 2. Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường có đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Thầy/Cô 3. Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi được cải tiến có phù hợp trong quá trình phát triển của Nhà trường
6.1.5. Chức năng đào tạo
6.1.5.1. Thiết kế và rà soát chương trình đào tạo (CTĐT)

1. CTĐT cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành 2. Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý 3. Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội 4. Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng được tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục của Khoa và Nhà trường 5. Thầy/Cô được tham gia xây dựng, điều chỉnh CTĐT của đơn vị
6.1.5.2. Thực hiện chương trình đào tạo:
1. Được phổ biến đầy đủ quy chế đào tạo và các văn bản hướng dẫn 2. Chủ động lựa chọn và áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với chuẩn đầu ra môn học 3. Có sự thống nhất về nội dung, phương pháp giảng dạy và hoạt động đánh giá sinh viên 4. Được sự hỗ trợ về chuyên môn từ Trường, Khoa, Tổ bộ môn 5. HÀi lòng với việc phân công về chuyên môn (số tiết, lớp học phần) của đơn vị
6.1.6. Chức năng Nghiên cứu khoa học (NCKH)
1. Thầy/Cô có HÀi lòng khi tham gia hoạt động NCKH với những chính sách, hỗ trợ từ phía Nhà trường 2. Thầy/Cô được tự do lựa chọn và đề xuất đề tài NCKH 3. Quy định, hướng dẫn xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH được công bố công khai 4. Việc xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH được thực hiện đúng quy trình
6.1.7. Chức năng dịch vụ
1. Sản phẩm/Sáng kiến/Đề tài NCKH được chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng 2. Tham gia các hoạt động kết nối doanh nghiệp phục vụ cộng đồng 3. Tham gia các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng 4. HÀi lòng với các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường

Các câu hỏi/nội dung 6.1.4 đến 6.1.7 được lấy ý kiến đánh giá theo 5 mức độ từ 1 đến 5:

1. Hoàn toàn đồng ý 2. Không đồng ý 3. Phân vân 4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý

6.2. Tổng hợp kết quả khảo sát:

6.2.1. Giới tính của giảng viên:

Nam: 88 phiếu chiếm 61%

Nữ: 56 phiếu chiếm 39%

6.2.2. Độ tuổi của giảng viên

Dưới 35 tuổi: 21 phiếu chiếm 14%

Từ 35 tuổi tới 45 tuổi: 90 phiếu chiếm 62%

Trên 45 tuổi: 35 phiếu chiếm 24%

6.2.3. Thâm niên công tác của giảng viên:

Dưới 5 năm: 4 phiếu chiếm 3%

5 năm đến 10 năm: 32 phiếu chiếm 22%

Trên 10 năm: 110 phiếu chiếm 75%

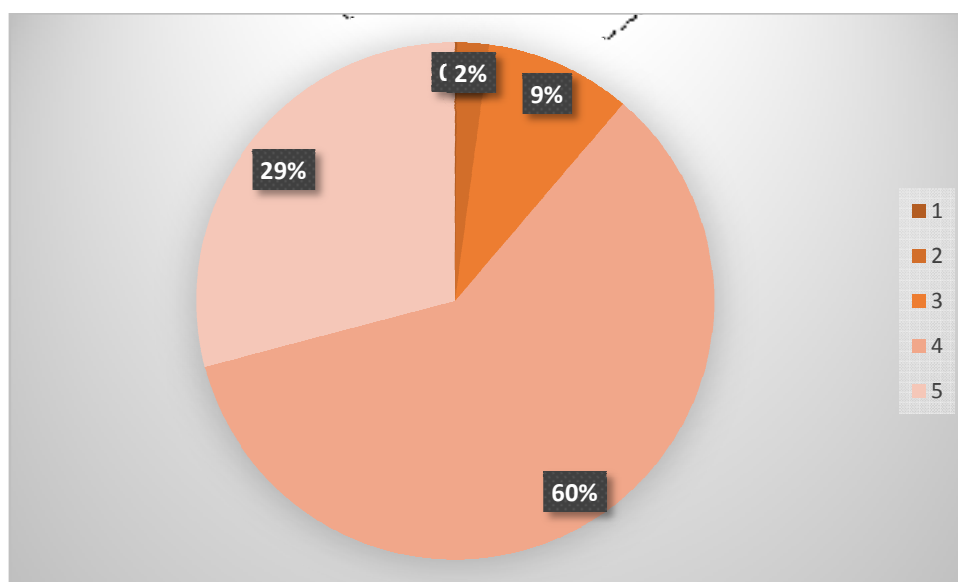
6.2.1. Kết quả khảo sát mục 6.1.4 đến 6.1.7 được thống kê và thể hiện ở bảng 6.1 và hình 6.1 dưới đây:

**Bảng 6.1. Tổng hợp kết quả khảo sát giảng viên
về chiến lược và chức năng của Nhà trường**

TT	Nội dung đánh giá	Đơn vị	Mức độ đánh giá					Tổng
I. Chiến lược phát triển của Nhà trường			①	②	③	④	⑤	
1	Thầy/Cô có tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường	Phiếu	1	2	10	83	47	143
		%	1	1	7	58	33	100
2	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường có đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Thầy/Cô	Phiếu	1	1	18	81	42	143
		%	1	1	13	57	29	100
3	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi được cải tiến có phù hợp trong quá trình phát triển của Nhà trường	Phiếu	1	0	19	81	43	144
		%	1	0	13	56	30	100
II. Chức năng đào tạo		Đơn vị	①	②	③	④	⑤	Tổng
A. Thiết kế và rà soát chương trình đào tạo (CTĐT)								
1	CTĐT cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	Phiếu	0	10	24	80	32	146
		%	0	7	16	55	22	100
2	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	Phiếu	0	15	24	80	26	145
		%	0	10	17	55	18	100
3	Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi	Phiếu	0	5	16	86	38	145

	mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	%	0	3	11	59	26	100
4	Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng được tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục của Khoa và Nhà trường	Phiếu	0	3	15	92	35	145
		%	0	2	10	63	24	100
5	Thầy/Cô được tham gia xây dựng, điều chỉnh CTĐT của đơn vị	Phiếu	1	2	7	77	58	145
		%	1	1	5	53	40	100
		%						
B. Thực hiện chương trình đào tạo								
1	Được phổ biến đầy đủ quy chế đào tạo và các văn bản hướng dẫn	Phiếu	0	0	3	84	59	146
		%	0	0	2	58	40	100
2	Chủ động lựa chọn và áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với chuẩn đầu ra môn học	Phiếu	0	1	4	76	64	145
		%	0	1	3	52	44	100
3	Có sự thống nhất về nội dung, phương pháp giảng dạy và hoạt động đánh giá sinh viên	Phiếu	0	3	7	91	44	145
		%	0	2	5	63	30	100
4	Được sự hỗ trợ về chuyên môn từ Trường, Khoa,Tổ bộ môn	Phiếu	0	1	5	96	43	145
		%	0	1	3	66	30	100
5	Hài lòng với việc phân công về chuyên môn (số tiết, lớp học phần) của đơn vị	Phiếu	0	3	9	87	46	145
		%	0	2	6	60	32	100
III. Chức năng Nghiên cứu khoa học (NCKH)		Đơn vị	①	②	③	④	⑤	Tổng
1	Thầy/Cô có hài lòng khi tham gia hoạt động NCKH với những chính sách, hỗ trợ từ phía Nhà trường	Phiếu	0	5	22	90	29	146
		%	0	3	15	62	20	100
2	Thầy/Cô được tự do lựa chọn và đề xuất đề tài NCKH		0	0	4	79	62	145
3	Quy định, hướng dẫn xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH được công bố công khai		0	0	3	54	43	100

4	Việc xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH được thực hiện đúng quy trình	Phiếu	0	0	10	89	45	144
		%	0	0	7	62	31	100
IV. Chức năng dịch vụ		Đơn vị	①	②	③	④	⑤	Tổng
1	Sản phẩm/Sáng kiến/Đề tài NCKH được chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng	Phiếu	0	6	23	93	23	145
		%	0	4	16	64	16	100
2	Tham gia các hoạt động kết nối doanh nghiệp phục vụ cộng đồng	Phiếu	0	0	14	97	33	144
		%	0	0	10	67	23	100
3	Tham gia các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng	Phiếu	0	1	19	93	31	144
		%	0	1	13	65	22	100
4	Hài lòng với các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường	Phiếu	0	2	10	102	30	144
		%	0	1	7	71	21	100
	Trung bình	%	0	2	9	60	29	



Hình 6.1. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát giảng viên về chiến lược và chức năng của Nhà trường

7. Kết luận

Kết quả khảo sát đánh giá về chiến lược và chức năng của Nhà trường cho thấy có 89% giảng viên cho rằng phù hợp; còn lại 11% giảng viên còn đang phân vân và cho rằng không phù hợp.

Các ý kiến không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý với các nội dung khảo sát chiếm tỷ lệ nhỏ trên tổng số ý kiến phản hồi. Nhà trường và Ban chủ nhiệm Khoa cần tinh chỉnh hơn về chiến lược và chính sách của Nhà trường trong thời gian tới.

Trưởng Khoa



Trần Thùy Dương

Người viết báo cáo



Tạ Thị Thu Hường